

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/2008/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**về việc ban hành Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành
đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 168/2003/QĐ-BTC ngày 07/10/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Công Nghiệp

QUY TRÌNH

thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 56/2008/QĐ-BTC
ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính)

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Quy trình này áp dụng cho các đơn vị thực hiện thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quyết định của người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cụ thể như sau:

a) Đối với dự án được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư: Bộ Tài chính tổ chức thẩm tra;

b) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc các cơ quan Trung ương quản lý (bao gồm cả dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư trước đây): Đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý của người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán tổ chức thẩm tra;

c) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý (bao gồm cả dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư trước đây): Sở Tài chính tổ chức thẩm tra;

d) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc cấp quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thẩm tra.

2. Yêu cầu thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

a) Công tác thẩm tra quyết toán phải tuân thủ các cơ chế chính sách của Nhà nước phù hợp với từng thời kỳ thực hiện dự án. Cơ quan chủ trì thẩm tra được đề nghị các cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành xem xét, giải quyết những kiến nghị, vướng mắc liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán;

b) Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán phải bảo đảm tính đúng đắn, trung thực, khách quan;

c) Thời gian thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước của Bộ Tài chính.

3. Trách nhiệm của các bên liên quan trong quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

a) Cơ quan thẩm tra quyết toán, cán bộ trực tiếp thẩm tra quyết toán phải tuân thủ trình tự, nội dung các bước thẩm tra theo quy định của Quy trình này; chịu trách nhiệm về nội dung của Báo cáo kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp và Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành của kiểm toán độc lập (nếu có);

b) Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về nội dung của Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp;

c) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán.

4. Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành hướng dẫn trình tự thực hiện các công việc:

a) Tiếp nhận hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

b) Thẩm tra quyết toán đối với các dự án đã thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán;

c) Thẩm tra quyết toán đối với các dự án không thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán;

d) Trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

B. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. TRÌNH TỰ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Khi tiếp nhận hồ sơ báo cáo quyết toán dự án, hạng mục công trình hoàn thành do chủ đầu tư trình duyệt, cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ báo cáo quyết toán theo các nội dung sau:

1. Kiểm tra danh mục hồ sơ, tài liệu do chủ đầu tư trình đối chiếu với quy định về Hồ sơ trình duyệt quyết toán tại Thông tư hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước của Bộ Tài chính;

2. Kiểm tra nội dung các biểu mẫu báo cáo quyết toán do chủ đầu tư lập, đối chiếu với biểu mẫu quy định trong Thông tư hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước của Bộ Tài chính;

Qua đó xác định rõ hồ sơ, tài liệu còn thiếu; những tài liệu mà chủ đầu tư cần hoàn thiện, bổ sung.

3. Xử lý các trường hợp:

3.1. Trường hợp hồ sơ đảm bảo yêu cầu, cán bộ tiếp nhận hồ sơ lập phiếu giao nhận hồ sơ theo Mẫu số 01/GHSQT kèm theo Quy trình này.

3.2. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, cán bộ tiếp nhận hồ sơ báo cáo người có thẩm quyền để yêu cầu hoàn thiện bổ sung hoặc trả lại hồ sơ cho chủ đầu tư.

3.3. Trường hợp chủ đầu tư không trực tiếp giao hồ sơ quyết toán, chủ đầu tư lập phiếu giao nhận hồ sơ theo Mẫu số 01/GHSQT gửi kèm theo; cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành kiểm tra hồ sơ báo cáo quyết toán theo các nội dung trên và xử lý bằng văn bản theo quy định tại điểm (3.1) hoặc (3.2) trên đây.

3.4. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc chậm thời gian nộp báo cáo quyết toán nếu sau 30 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận được thông báo bổ sung hoặc trả lại hồ sơ của cơ quan thẩm tra mà chủ đầu tư không nộp đủ hồ sơ (đã hoàn chỉnh) hoặc không có văn bản giải trình. Ngày chủ đầu tư nhận được thông báo là ngày hai bên trực tiếp giao nhận hồ sơ đối với trường hợp giao nhận trực tiếp, ngày trên dấu công văn đến hoặc ngày trên dấu bưu điện nơi nhận đối với trường hợp giao nhận gián tiếp.

II. TRÌNH TỰ THẨM TRA QUYẾT TOÁN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Đối với các dự án đã thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán, trên cơ sở Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của chủ đầu tư và Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành của kiểm toán độc lập, cán bộ thẩm tra thực hiện thẩm tra theo các bước sau:

1. Thẩm tra tính pháp lý của hợp đồng kiểm toán, phạm vi kiểm toán, thời gian và thể thức thực hiện kiểm toán đối với dự án.

2. Thẩm tra việc tuân thủ trình tự kiểm toán của Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành với quy định tại Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành số 1000 ban hành theo Quyết định số 03/2005/QĐ-BTC ngày 08/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Đối chiếu các nội dung của Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành với các nội dung quy định tại Điểm 2, mục VI, phần II của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, Điểm 3 của Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi,

bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC; Trường hợp không đảm bảo yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm tra thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu kiểm toán thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung.

4. Thẩm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án trong danh mục các văn bản sử dụng của báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành.

5. Xem xét những ý kiến mà chủ đầu tư không thống nhất với báo cáo kiểm toán của nhà thầu kiểm toán.

6. Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có). Trường hợp cần thiết phải có văn bản xin ý kiến của các cơ quan liên quan để thống nhất hướng xử lý trước khi trình người có thẩm quyền quyết định.

7. Nhận xét, kiến nghị.

- Nhận xét, đánh giá về các bước thẩm tra trên.

- Kiến nghị biện pháp giải quyết các tồn tại của dự án sau khi quyết toán.

- Kiến nghị với các cơ quan liên quan về quá trình quản lý đầu tư, thực hiện dự án.

III. TRÌNH TỰ THẨM TRA QUYẾT TOÁN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN KHÔNG THỰC HIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Đối với các dự án không thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán, cán bộ thẩm tra thực hiện thẩm tra theo các bước sau:

1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án:

Căn cứ Biểu báo cáo số 02/QTDA trong Báo cáo quyết toán và tập các văn bản pháp lý liên quan của dự án, cán bộ thẩm tra đối chiếu danh mục, trình tự thực hiện các văn bản pháp lý với các quy định của pháp luật để xác định:

- Trình tự lập và duyệt văn bản; thẩm quyền phê duyệt văn bản.

- Việc chấp hành trình tự đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Việc chấp hành trình tự lựa chọn thầu của các gói thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu tư vấn, xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị so với các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu; hình thức giá hợp đồng phải tuân thủ đúng quyết định trúng thầu của cấp có thẩm

quyền và là cơ sở cho việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng.

2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án:

Căn cứ các biểu báo cáo số 01/QTDA, 03/QTDA, 08/QTDA trong Báo cáo quyết toán; cán bộ thẩm tra thực hiện các bước sau:

- Phân tích, so sánh cơ cấu vốn đầu tư thực hiện với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức vốn đầu tư được duyệt (biểu báo cáo số 01/QTDA).

- Kiểm tra số liệu báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư hàng năm so với kế hoạch được duyệt (biểu báo cáo số 03/QTDA).

- Đối chiếu số liệu vốn thanh toán hàng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán (biểu báo cáo số 08/QTDA);

- Kiểm tra việc điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép so với chế độ và thẩm quyền quy định.

- Trường hợp dự án có sử dụng ngoại tệ, kiểm tra việc quản lý và sử dụng ngoại tệ, xác định thời điểm tính quy đổi tỷ giá ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo chế độ quy định.

- Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc cấp vốn, thanh toán;

việc quản lý và sử dụng các loại nguồn vốn đầu tư của dự án.

3. Thẩm tra chi phí đầu tư:

Căn cứ tổng mức đầu tư được duyệt và biểu báo cáo số 04/QTDA- Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán theo công trình, hạng mục hoàn thành, cán bộ thẩm tra thực hiện thẩm tra lần lượt theo cơ cấu chi phí ghi trong tổng mức đầu tư:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư;

- Chi phí xây dựng;

- Chi phí thiết bị;

- Chi phí quản lý dự án;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng;

- Chi phí khác.

3.1. Thẩm tra chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; chi phí trả cho phân hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư:

a) Thẩm tra chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư do chủ đầu tư thực hiện: Đối chiếu đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; dự toán chi phí tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra danh sách chi trả cho các tổ chức, cá nhân nhận tiền bồi thường đã có chữ ký xác nhận theo quy định để xác định giá trị quyết toán;

b) Thẩm tra chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư do Hội đồng đền bù thực hiện và chi phí trả cho phần hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư (nếu có) để xác định giá trị quyết toán;

c) Trường hợp dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư là dự án độc lập được lập báo cáo quyết toán và thẩm tra quyết toán như một dự án đầu tư độc lập;

d) Trường hợp giải phóng mặt bằng, tái định cư là hạng mục tách ra từ một dự án đầu tư, thành lập Ban quản lý dự án phần giải phóng mặt bằng riêng biệt với Ban quản lý dự án phần xây dựng: Ban quản lý dự án phần giải phóng mặt bằng, tái định cư chịu trách nhiệm quyết toán phần giải phóng mặt bằng, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; gửi báo cáo quyết toán đã được phê duyệt tới chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình để lập báo cáo quyết toán chung trong toàn bộ dự án. Khi thẩm tra quyết toán toàn bộ dự án, không phải thẩm tra lại phần chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Thẩm tra chi phí xây dựng:

a) Thẩm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng xây dựng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, lưu ý đến hình thức giá hợp đồng ghi trong từng hợp đồng làm

cơ sở cho việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng;

b) Khi thẩm tra chi phí xây dựng công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công, có 2 trường hợp như sau:

- Trường hợp chi phí xây dựng công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được lập thiết kế, dự toán riêng cho hạng mục, tiến hành thẩm tra như thẩm tra gói thầu xây dựng độc lập.

- Trường hợp chi phí xây dựng công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được tính theo tỷ lệ (%) trong gói thầu xây dựng chính (không lập thiết kế, dự toán riêng); tiến hành thẩm tra việc áp dụng tỷ lệ (%) trên cơ sở kết quả thẩm tra gói thầu xây dựng chính.

3.2.1. Thẩm tra đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

a) Đối chiếu các nội dung, khối lượng trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

b) Đối chiếu sự phù hợp giữa đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán

của chủ đầu tư với đơn giá trong dự toán được duyệt;

c) Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định ở bước (a) nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra ở bước (b);

d) Trường hợp có phát sinh tăng giảm của gói thầu thẩm tra theo quy định tại điểm 3.2.6 dưới đây.

3.2.2. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng trọn gói” (không phân biệt hình thức lựa chọn thầu):

- Đối chiếu các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng công việc hoàn thành, đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng, đơn giá ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng. Khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng; thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không chiết tính lại khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

- Trường hợp có phát sinh tăng giảm của hợp đồng thẩm tra theo quy định tại điểm 3.2.6 dưới đây.

3.2.3. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng theo đơn giá cố định” (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

- Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với đơn giá cố định ghi trong bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng;

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có phát sinh tăng giảm của hợp đồng thẩm tra theo quy định tại điểm 3.2.6 dưới đây.

3.2.4. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh” (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

- Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng.

- Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu

khối lượng công việc hoàn thành để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán.

- Trường hợp điều chỉnh theo cơ chế chính sách của Nhà nước phải căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng, các cơ chế chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng (đã ghi trong hợp đồng) để xác định giá trị được điều chỉnh. Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra.

- Trường hợp có phát sinh tăng giảm của hợp đồng thẩm tra theo quy định tại điểm 3.2.6 dưới đây.

3.2.5. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng kết hợp” (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

Hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng kết hợp” phải xác định rõ phạm vi theo công trình, hạng mục công trình hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc giá điều chỉnh. Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng

với quy định tại các trường hợp (3.2.2), (3.2.3) và (3.2.4) trên đây.

3.2.6. Thẩm tra các trường hợp phát sinh:

- Trường hợp có hạng mục hoặc nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện thì giảm trừ giá trị tương ứng của hạng mục hoặc nội dung đó theo hợp đồng.

- Trường hợp có khối lượng không thực hiện hoặc khối lượng được nghiệm thu thấp hơn ở bản tính giá hợp đồng thì giảm trừ phần khối lượng không thực hiện (hoặc thấp hơn) nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, khối lượng phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá điều chỉnh do chủ đầu tư phê duyệt theo nguyên tắc

điều chỉnh đơn giá khối lượng phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này.

3.3. Thẩm tra chi phí thiết bị:

Thẩm tra tính tuân thủ các quy định về hợp đồng và quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó, lưu ý đến hình thức giá hợp đồng ghi trong từng hợp đồng của các gói thầu cung cấp và lắp đặt thiết bị làm cơ sở cho việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng.

3.3.1. Thẩm tra đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

- Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị đề nghị quyết toán so với biên bản nghiệm thu và dự toán chi phí thiết bị được phê duyệt để xác định giá trị quyết toán phần mua sắm thiết bị;

- Thẩm tra chi phí gia công, lắp đặt thiết bị đối với thiết bị cần gia công, cần lắp theo dự toán được duyệt và được nghiệm thu đúng quy định. Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được

nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra.

- Thẩm tra các khoản chi phí liên quan: chi phí vận chuyển thiết bị từ nơi mua về đến chân công trình; chi phí lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị,...

- Trường hợp có phát sinh tăng giảm của hợp đồng thẩm tra theo quy định tại điểm 3.3.6 dưới đây.

3.3.2. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng trọn gói” (không phân biệt hình thức lựa chọn thầu):

- Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với các yêu cầu, danh mục, chủng loại, cấu hình, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, giá của thiết bị ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng. Khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng thực hiện và quy định của hợp đồng thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không chiết tính lại đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

- Trường hợp có phát sinh tăng giảm của hợp đồng thẩm tra theo quy định tại điểm 3.3.6 dưới đây.

3.3.3. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng theo đơn giá cố định” (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

- Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với các yêu cầu, danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng với biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với đơn giá cố định ghi trong bản tính giá hợp đồng;

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có phát sinh tăng giảm của hợp đồng thẩm tra theo quy định tại điểm 3.3.6 dưới đây.

3.3.4. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh” (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

- Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng,

xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng.

- Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán.

- Trường hợp điều chỉnh theo cơ chế chính sách của Nhà nước phải căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng và các cơ chế chính sách được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng để xác định giá trị được điều chỉnh.

- Trường hợp có phát sinh tăng giảm của hợp đồng thẩm tra theo quy định tại điểm 3.3.6 dưới đây.

3.3.5. Thẩm tra đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng kết hợp” (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu):

Hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng kết hợp” phải xác định rõ phạm vi hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc giá điều chỉnh. Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các trường hợp (3.3.2), (3.3.3) và (3.3.4) trên đây.

3.3.6. Thẩm tra các trường hợp phát sinh:

- Trường hợp có nội dung công việc trong hợp đồng không thực hiện, danh mục thiết bị không thực hiện hoặc số lượng được nghiệm thu thấp hơn ở bản tính giá hợp đồng thì giảm trừ phần số lượng không thực hiện (hoặc thấp hơn) nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, số lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% số lượng thiết bị tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần số lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, số lượng thiết bị phát sinh lớn hơn 20% số lượng thiết bị tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng thêm phần số lượng thiết bị phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá điều chỉnh do chủ đầu tư phê duyệt theo nguyên tắc điều chỉnh đơn giá thiết bị phát sinh đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp có danh mục thiết bị phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì

thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này.

3.4. Thẩm tra chi phí quản lý dự án:

3.4.1. Trường hợp dự án do Ban quản lý dự án chuyên trách thực hiện quản lý:

- Thẩm tra việc áp dụng định mức để xác định tổng mức được trích của chi phí quản lý dự án và các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng của dự án do Ban quản lý dự án thực hiện.

- Đối chiếu sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán với số liệu phân bổ chi phí quản lý dự án hàng năm theo quyết định phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án hàng năm.

3.4.2. Trường hợp dự án do Ban quản lý dự án kiêm nhiệm thực hiện quản lý:

- Đối chiếu sự phù hợp giữa số liệu đề nghị quyết toán với định mức được trích và dự toán chi phí quản lý dự án được duyệt theo quy định của Thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính.

- Xem xét các chứng từ chi tiêu đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ và tuân thủ chế độ chi tiêu hiện hành của nhà nước.

3.5. Thẩm tra chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình và chi phí khác:

- Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo định mức tỷ lệ %: kiểm tra các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ % để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc.

- Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo dự toán chi tiết được duyệt: đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự toán được duyệt, đánh giá mức độ hợp lý của các khoản chi phí.

- Đối với các khoản chi phí tư vấn hình thức hợp đồng theo thời gian: đối chiếu đơn giá thù lao theo thời gian do chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ) để xác định mức thù lao phải trả cho nhà thầu. Các khoản chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc,... đối chiếu với quy định về phương thức thanh toán nêu trong hợp đồng (theo chứng từ hóa đơn hợp lệ hoặc theo đơn giá khoán đã thỏa thuận trong hợp đồng).

4. Thẩm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản (nếu có):

4.1. Thẩm tra các chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản theo các nội dung như:

- Xác định đúng theo các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về chi phí thiệt hại;

- Giá trị thiệt hại theo Biên bản xác định phải được chủ đầu tư, đơn vị nhận thầu, cơ quan tư vấn giám sát kiểm tra, xác nhận và kiến nghị xử lý.

4.2. Thẩm tra chi phí thiệt hại được cấp có thẩm quyền quyết định hủy bỏ, cho phép không tính vào giá trị tài sản: Cần đối chiếu giữa biên bản xác định khối lượng hủy bỏ thực tế với quyết định cho phép hủy bỏ của cấp có thẩm quyền.

4.3. Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước về giải quyết thiệt hại; thẩm quyền của người cho phép hủy bỏ.

5. Thẩm tra xác định giá trị tài sản:

5.1. Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư của dự án, xác định giá trị tài sản công trình hình thành sau đầu tư.

5.2. Tính phân bổ chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác cho các hạng mục công trình:

Phân bổ chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác cho các hạng mục công trình theo nguyên tắc:

- Loại chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn liên quan trực tiếp đến hạng mục công trình nào thì phân bổ toàn bộ cho hạng mục công trình đó.

- Loại chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác phân bổ theo tỷ lệ vốn của từng đối tượng, từng hạng mục trên tổng số vốn của các đối tượng, các hạng mục; ví dụ như: Chi phí chạy thử có tải và không tải sau khi đã trừ các khoản thu được do chạy thử thì phân bổ cho máy móc thiết bị cần lắp theo tỷ lệ vốn lắp đặt, vốn thiết bị cần lắp của từng đối tượng, từng hạng mục trên tổng số vốn lắp đặt, vốn thiết bị cần lắp của các đối tượng, các hạng mục.

- Loại chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác liên quan đến toàn bộ dự án thì được phân bổ cho tất cả các đối tượng là tài sản cố định theo tỷ lệ phân bổ: Tổng chi phí khác cần phân bổ/Tổng chi phí xây dựng, lắp đặt, thiết bị của dự án, hạng mục công trình.

5.3. Thẩm tra việc quy đổi vốn đầu tư hàng năm về mặt bằng giá tại thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình cho đơn vị sử dụng.

5.4. Xác định chi phí đầu tư hình thành tài sản, bao gồm:

- Chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định,
- Chi phí đầu tư hình thành tài sản lưu động.

5.5. Xác định giá trị, danh mục tài sản bàn giao cho các đối tượng quản lý đơn vị quản lý, sử dụng.

6. Thẩm tra xác định công nợ, vật tư thiết bị tồn đọng:

6.1. Thẩm tra xác định công nợ:

- Căn cứ số liệu các khoản mục chi phí đã được xác định sau khi thẩm tra quyết toán, số vốn đã thanh toán và tình hình công nợ báo cáo của chủ đầu tư, xác định các khoản nợ phải thu, phải trả giữa chủ đầu tư và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Xem xét, kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản tiền vốn thu được chưa nộp ngân sách, số dư tiền gửi, tiền mặt.

Thẩm tra cần xác định rõ từng khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo đúng đối tượng, đúng thực tế và kiến nghị các biện pháp xử lý.

6.2. Kiểm tra, xác định giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng:

- Kiểm tra giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng theo sổ kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế;

- Các loại vật tư thiết bị mua sắm phải theo dự toán được duyệt, việc quản lý sử dụng phải theo quy định riêng của từng loại,

- Các loại vật tư thiết bị được tính toán, đánh giá đúng số lượng, đúng giá trị thể hiện trên báo cáo quyết toán.

- Xem xét, kiến nghị phương án xử lý của chủ đầu tư đối với giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng.

6.3. Kiểm tra giá trị tài sản của Ban quản lý dự án đối với Ban quản lý dự án nhóm II theo quy định của Thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính:

- Kiểm tra giá trị tài sản của Ban quản lý dự án theo sổ sách kế toán, đối chiếu với số liệu kiểm kê;

- Xác định giá trị còn lại các tài sản của Ban quản lý dự án sau khi đã tính khấu hao theo thời gian sử dụng.

- Xem xét, kiến nghị phương án xử lý đối với giá trị tài sản bàn giao cho đơn vị khác hoặc thanh lý.

- Nhận xét, đánh giá về việc quản lý, bảo quản tài sản của chủ đầu tư, ban quản lý dự án.

7. Xem xét việc thực hiện kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra:

Đối với dự án đã được các cơ quan thanh tra, kiểm tra của Nhà nước thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và có kết luận; cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xem xét các nội dung sau:

7.1. Xem xét việc thực hiện các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

7.2. Xem xét các kiến nghị của chủ đầu tư, ban quản lý dự án về các vấn đề được các cơ quan thanh tra, kiểm tra kết luận.

7.3. Kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề tồn tại.

8. Xem xét, trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư:

Căn cứ vào hồ sơ báo cáo quyết toán và kết quả thẩm tra, xem xét, trình cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của chủ đầu tư trong việc áp dụng chính sách, chế độ quản lý xây dựng; về nguồn vốn đầu tư của dự án về tài sản bàn giao cho các đơn vị quản lý sử dụng.

9. Trong quá trình thẩm tra hồ sơ báo cáo quyết toán, trường hợp cần thiết cơ quan thẩm tra quyết toán tổ chức kiểm tra thực tế tại Ban quản lý dự án và hiện trường xây dựng công trình.

IV. NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ TRÌNH NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

Sau khi thẩm tra quyết toán, cơ quan thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt.

1. Hồ sơ trình duyệt quyết toán gồm có:

1.1. Tài liệu do cơ quan thẩm tra lập:

- Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán;
- Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

1.2. Kèm theo các tài liệu do chủ đầu tư trình:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư;
- Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của dự án;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước đối với dự án (nếu có);
- Văn bản báo cáo tình hình chấp hành của chủ đầu tư đối với các kết luận trên.

2. Báo cáo kết quả thẩm tra:

a) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập báo cáo kết quả thẩm tra với các nội dung chính như sau:

- Khái quát toàn bộ dự án, những vấn đề đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong quá trình đầu tư thực hiện dự án;

- Tóm tắt kết quả các nội dung theo đúng trình tự thẩm tra trên đây;

- Kiến nghị giá trị phê duyệt quyết toán;

- Kiến nghị giải quyết các tồn tại về nguồn vốn đầu tư, tài sản và công nợ sau khi quyết toán dự án.

b) Trường hợp thành lập Tổ công tác thẩm tra quyết toán, báo cáo kết quả thẩm tra phải được toàn thể các thành viên tổ công tác nhất trí ký tên, thông qua báo cáo và chịu trách nhiệm về kết quả do mình thực hiện.

3. Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

Nội dung quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo mẫu quy định của Thông tư hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Công Nghiệp

Mẫu số 01/GHSQT

ĐƠN VỊ THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

PHIẾU GIAO NHẬN

Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành

Chủ đầu tư/BQLDA:

Tên dự án:

Công trình (HMHT):

Ngày nộp hồ sơ:..... tháng..... năm.....

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
I. Hồ sơ đã nộp:			
1	Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư ngày..... tháng..... năm.....		
2	Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành gồm..... biểu báo cáo		
3	Các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA. (ghi rõ số/ký hiệu nếu đề rời, ghi tổng số nếu đóng quyển)		
4	- Tập các hợp đồng: (ghi rõ số/ký hiệu nếu đề rời, ghi tổng số nếu đóng quyển) - Biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có, ghi rõ của hợp đồng nào)		
5	Tập các biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng công trình, nghiệm thu lắp đặt thiết bị; Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án, công trình hoặc hạng mục công trình để đưa vào sử dụng		

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
6	Quyết toán khối lượng A - B, gồm có: - - ...		
7	- Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán dự án - Văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán.		
8	- Kết luận thanh tra, Biên bản kiểm tra, Báo cáo kiểm toán (Trường hợp không xảy ra đề nghị ghi rõ) - Báo cáo tình hình chấp hành kết luận.		
II. Hồ sơ còn thiếu:			
1			
2			
...			
III. Hồ sơ cần bổ sung:			
1			
2			
...			
Thời hạn hoàn chỉnh hồ sơ nộp trước ngày..... tháng..... năm.....			

Hai bên thống nhất lập phiếu giao nhận hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung trên đây./.

BÊN GIAO HỒ SƠ
(Ký, ghi đầy đủ họ tên)

BÊN NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi đầy đủ họ tên)